

Bản án số: 125/2020/DS-PT

Ngày: 07/9/2020

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Hải

Bà Lâm Ngọc Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Yên Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 141/2020/TLPT-DS ngày 19 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 459/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A., tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 131/2020/QĐ-PT ngày 21 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn K., sinh năm 1966; Nơi cư trú: Tổ 15, ấp Phú T., xã Phú H., huyện A., tỉnh An Giang (Có mặt)

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Huỳnh Văn S., sinh năm 1952; Nơi cư trú: Tổ 44, ấp Vĩnh N., xã Vĩnh T., huyện A., tỉnh An Giang (Có mặt)

2.2. Bà Trần Thị T. (chết ngày 28/2/2020)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị T.:

2.2.1. Ông Huỳnh Văn S., sinh năm 1952 (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 44, ấp Vĩnh N., xã Vĩnh T., huyện A., tỉnh An Giang.

2.2.2. Bà Huỳnh Thị Bé H., sinh năm 1977 (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 45, ấp Vĩnh N., xã Vĩnh T., huyện A., tỉnh An Giang.

2.2.3. Ông Huỳnh Văn N., sinh năm 1980 (Có mặt)

Nơi cư trú: Số 498/42A, khóm T., phường M., thành phố L., tỉnh An Giang.

2.2.4. Ông Huỳnh Văn C., sinh năm 1983 (Có mặt)

2.2.5. Ông Huỳnh Văn P., sinh năm 1985 (Vắng mặt)

2.2.6. Bà Huỳnh Thị Bích L., sinh năm 1986 (Vắng mặt)

2.2.7. Ông Huỳnh Văn H., sinh năm 1988 (Có mặt)

Cùng nơi cư trú: Tổ 44, ấp Vĩnh N., xã Vĩnh T., huyện A., tỉnh An Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị T..

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu kèm theo và quá trình tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Văn K. trình bày:

Vợ chồng ông S., bà T. có nhờ ông vay dùm 50.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng. Các lần vay tiền cụ thể như sau: Lần đầu ngày 08/6/2018 (âm lịch), số tiền là 10.000.000 đồng; lần thứ hai là ngày 18/6/2018 (âm lịch) vay 10.000.000 đồng và lần thứ ba là ngày 23/6/2018 (âm lịch) vay 30.000.000 đồng. Do quen biết nên các lần vay tiền không làm biên nhận và không có ai chứng kiến. Sau khi vay tiền, ông S., bà T. có đưa tiền lãi cho ông đóng được 10.500.000 đồng rồi ngưng nên ông phải đóng lãi thay tổng cộng là 19.500.000 đồng. Do đó ông K. yêu cầu vợ chồng ông S., bà T. trả cho ông 69.500.000 đồng gồm tiền vốn 50.000.000 đồng và tiền lãi là 19.500.000 đồng đã đóng thay.

Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm, ông K. thừa nhận chỉ một mình bà T. vay tiền nên tại phiên tòa sơ thẩm ông K. đã rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, ông K. yêu cầu bà T. phải trả cho ông 50.000.000 đồng, không tính lãi.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 02/10/2019, bị đơn bà Trần Thị T. trình bày:

Bà xác định có nhận tiền của ông K. đưa để hùn vốn nuôi cá, cụ thể vào tháng 4/2018 (âm lịch) có nhận 10.000.000 đồng, đến ngày 20/6/2018 nhận tiếp 20.000.000 đồng. Ngoài ra, ngày 22/6/2018 bà T. có nhờ ông K. hỏi vay giúp 15.000.000 đồng, đóng lãi hàng tháng 2.500.000, không có lập biên nhận, không người chứng kiến. Nay, bà đồng ý thanh toán khoản tiền vay 15.000.000 đồng và lãi suất từ tháng 5/2019 đến nay.

Bị đơn ông Huỳnh Văn S. trình bày:

Ông S. không có vay tiền của ông K. còn việc vợ ông là bà T. có vay hay không thì ông không biết vì bà T. không bàn bạc với ông. Tuy nhiên, nếu bà T. thừa nhận có vay ông K. 15.000.000 đồng thì ông thống nhất liên đới cùng bà T. trả cho ông K. 15.000.000 đồng tiền này. Riêng số tiền 30.000.000 đồng ông không biết nên không đồng ý liên đới trả.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 459/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A. tuyên xử:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K. buộc ông Huỳnh Văn S. liên đới với bà Trần Thị T. trả số tiền 50.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K. về việc yêu cầu tính lãi trên số tiền vốn 50.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K. buộc bà Trần Thị T. trả 50.000.000 đồng.

Công nhận sự tự nguyện của ông Huỳnh Văn S. liên đới với bà Trần Thị T. trả cho ông Nguyễn Văn K. 15.000.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K..

Buộc bà Trần Thị T. có nghĩa vụ trả cho ông K. số tiền 30.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/02/2020 bà Trần Thị T. có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm đối với phần buộc bà có nghĩa vụ trả cho ông K. số tiền 30.000.000 đồng.

Sau khi nộp đơn kháng cáo, ngày 28/2/2020 bà Trần Thị T. chết. Do đó, cấp phúc thẩm đã đưa chồng và các con bà T. gồm: Ông Huỳnh Văn S., bà Huỳnh Thị Bé H., ông Huỳnh Văn N., ông Huỳnh Văn C., ông Huỳnh Văn P., bà Huỳnh Thị Bích L. và ông Huỳnh Văn H. vào tham gia tố tụng với tư cách là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị T..

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn ông Huỳnh Văn S. trình bày: Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm buộc bà T. trả cho ông K. số tiền 30.000.000 đồng, ông chỉ đồng ý trả số tiền 15.000.000 đồng mà bà T. có thừa nhận vay của ông K..

Các ông bà Huỳnh Thị Bé H., Huỳnh Văn N., Huỳnh Văn C. và Huỳnh Văn H. là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Trần Thị T. có mặt tại phiên tòa thống nhất trình bày: Các ông bà đồng ý trả cho ông K. số tiền 15.000.000 đồng mà mẹ của họ thừa nhận có vay. Riêng đối với số tiền 30.000.000 đồng, các ông bà không đồng ý trả vì đó là số tiền ông K. hùn nuôi cá chứ không phải tiền vay.

Riêng ông Huỳnh Văn P., bà Huỳnh Thị Bích L. là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Trần Thị T. đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Quá trình giải quyết ở cấp phúc thẩm và tại phiên tòa, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người kháng cáo không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Trần Thị T. kháng cáo trong hạn luật định và có đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.2] Ông Huỳnh Văn P., bà Huỳnh Thị Bích L. - người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn Trần Thị T. là người kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn K. rút lại yêu cầu tính lãi trên số tiền vốn 50.000.000 đồng và yêu cầu buộc ông Huỳnh Văn S. liên đới với bà Trần Thị T. trả số tiền 50.000.000 đồng là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này là phù hợp và các đương sự không có kháng cáo nên đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn: Bà T. cho rằng số tiền 30.000.000 đồng là tiền ông K. hùn vốn nuôi cá nên không đồng ý trả số tiền này. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm thấy rằng giữa bà T. và ông K. có xác lập giao dịch dân sự vay tiền. Việc vay tiền tuy không được lập thành văn bản nhưng được ông K. và bà T. thừa nhận nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là hợp đồng vay tài sản là có căn cứ.

[3.2] Mặc dù các đương sự không thống nhất với nhau về số tiền vay. Ông K. cho rằng bà T. vay 03 lần, tổng cộng số tiền là 50.000.000 đồng nhưng không làm biên nhận. Còn bà T. thừa nhận có nhận của ông K. tổng cộng 45.000.000 đồng, gồm tiền vay 15.000.000 đồng và tiền hùn vốn nuôi cá 30.000.000 đồng nhưng bà không cung cấp được chứng cứ để chứng minh việc hùn vốn. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 6 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nghĩa vụ chứng minh thuộc về đương sự nhưng cả ông K. và bà T. ngoài lời trình bày thì không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình; do đó, xem như ông K., bà T. đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh.

[3.3] Do ông K. không chứng minh được đã cho bà T. vay 50.000.000 đồng, còn bà T. cũng không chứng minh được mình chỉ vay 15.000.000 đồng nên cấp sơ thẩm xác định số tiền mà bà T. đã nhận từ ông K. là 45.000.000 đồng như bà T. đã thừa nhận là có căn cứ. Bà T. kháng cáo nhưng trong hồ sơ kháng cáo bà không cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết tại giai đoạn phúc thẩm, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T. cũng cho rằng giữa ông K. và bà T. có hợp tác hùn nuôi cá nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh về thời gian, việc thực hiện hùn vốn, tổ chức nuôi, bán và phân chia lợi nhuận như thế nào đối với số tiền hùn 30.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo.

[4] Về nghĩa vụ trả nợ:

Đối với số tiền 15.000.000 đồng: Ông Huỳnh Văn S. đồng ý liên đới với bà Trần Thị T. trả cho ông Nguyễn Văn K.. Đây là sự tự nguyện của ông S. nên cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

Đối với số tiền 30.000.000 đồng: Tại phiên toà sơ thẩm, do ông K. thay đổi yêu cầu khởi kiện, xác định chỉ yêu cầu bà T. trả nợ nên cấp sơ thẩm buộc bà T. có nghĩa vụ trả 30.000.000 đồng cho ông K. là có căn cứ.

Như vậy, so với yêu cầu khởi kiện của ông K. buộc bà T. trả 50.000.000 đồng thì ông K. không được chấp nhận yêu cầu là 5.000.000 đồng nhưng bản án sơ thẩm tuyên “*Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K. buộc bà Trần Thị T. trả 50.000.000 đồng*” là có sai sót cần phải điều chỉnh; tuy nhiên sai sót này không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên chỉ cần nêu để rút kinh nghiệm.

Ngoài ra, trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, ngày 28/2/2020 bà T. chết, cho nên cấp phúc thẩm phải đưa những người thừa kế của bà T. vào tham gia tố tụng với tư cách kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng. Do đó, căn cứ vào Điều 615 Bộ luật dân sự quy định về thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại; những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T. có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do bà T. chết để lại. Trường hợp bà T. không để lại di sản hoặc di sản để lại không đủ thực hiện nghĩa vụ thì những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T. không phải thực hiện nghĩa vụ hoặc chỉ thực hiện nghĩa vụ trong phạm vi di sản.

Từ những phân tích trên, xét thấy cần phải sửa án sơ thẩm về cách tuyên án.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T. phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị T..

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 459/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A., tỉnh An Giang; tuy nhiên có sửa về cách tuyên án:

Áp dụng Điều 228, Điều 244 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 469 và Điều 615 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K. buộc ông Huỳnh Văn S. liên đới với bà Trần Thị T. trả số tiền 50.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K. về việc yêu cầu tính lãi trên số tiền vốn 50.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K. buộc bà Trần Thị T. trả 5.000.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K.. Buộc các ông bà Huỳnh Văn S., Huỳnh Thị Bé H., Huỳnh Văn N., Huỳnh Văn C., Huỳnh Văn P., Huỳnh Thị Bích L. và Huỳnh Văn H. (những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị T.) có nghĩa vụ trả cho ông K. số tiền 30.000.000 đồng.

Công nhận sự tự nguyện của ông Huỳnh Văn S. liên đới với các ông bà Huỳnh Thị Bé H., Huỳnh Văn N., Huỳnh Văn C., Huỳnh Văn P., Huỳnh Thị Bích L. và Huỳnh Văn H. (những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị T.) trả cho ông Nguyễn Văn K. số tiền 15.000.000 đồng.

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị T. có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do bà T. chết để lại. Trường hợp bà T. không để lại di sản hoặc di sản để lại không đủ thực hiện nghĩa vụ thì những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T. không phải thực hiện nghĩa vụ hoặc chỉ thực hiện nghĩa vụ trong phạm vi di sản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn K. phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 1.737.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011444 ngày 16/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.; ông K. được nhận lại số tiền 1.437.000 đồng (Một triệu bốn trăm ba mươi bảy ngàn đồng).

Ông Huỳnh Văn S. liên đới với các ông bà Huỳnh Thị Bé H., Huỳnh Văn N., Huỳnh Văn C., Huỳnh Văn P., Huỳnh Thị Bích L. và Huỳnh Văn H. phải chịu 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các ông bà Huỳnh Văn S., Huỳnh Thị Bé H., Huỳnh Văn N., Huỳnh Văn C., Huỳnh Văn P., Huỳnh Thị Bích L. và Huỳnh Văn H. phải chịu 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Các ông bà Huỳnh Văn S., Huỳnh Thị Bé H., Huỳnh Văn N., Huỳnh Văn C., Huỳnh Văn P., Huỳnh Thị Bích L. và Huỳnh Văn H. phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí do bà Trần Thị T. đã nộp theo biên lai thu số 0011828 ngày 25/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A..

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện;
- THADS huyện;
- Phòng KTNV & THA;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Đường sự “Đề thi hành”;
- Lưu: HS; TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hồng